

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh;

2. Bà Dương Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực X - Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực X - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực X - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị G T S, sinh năm 2005.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P C, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn P C, xã S C, tỉnh Lào Cai);

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn S S P, xã S C, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn S S P, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh T S P, sinh năm 2003.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P C, xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là thôn P C, xã S C, tỉnh Lào Cai) - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị G T S, bản tự khai và tài liệu khác nguyên đơn chị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T S P tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương khi đó chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 22/8/2023 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N S, huyện S M C (nay là xã S C), tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống

tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là khi vợ chồng xuống Hải Phòng để làm thuê, được một thời gian anh P tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt, nhiều hôm đi uống rượu thâu đêm từ tối đến sáng mới về phòng trọ, sau đó một thời gian chị phát hiện anh P có mối quan hệ với người phụ nữ khác, chị có góp ý, khuyên giải thì hai vợ chồng xảy ra xô xát, anh P đánh chửi chị. Tết năm 2023 khi vợ chồng về nhà ăn tết, anh P đi uống rượu ở nhà hàng xóm về, chị có bảo anh P là đừng uống rượu nữa ở nhà phụ giúp việc gia đình thì anh P xông vào đánh chị làm chị bị sưng tím mắt. Qua tết do con còn nhỏ, gia đình không có tiền chăm lo anh P lại xuống Hải Phòng làm thuê, chị ở nhà chăm sóc con cái và trồng trọt, chăn nuôi sau đó chị cũng xuống Hải Phòng làm cùng anh P thì thấy anh P thay đổi rất nhiều, tình cảm không còn được như trước nữa nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, có lần chị xem điện thoại của anh P thấy anh P đưa người phụ nữ khác đi ăn uống, còn có cả ảnh hai người ngủ với nhau. Chị về nhà có bảo hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhưng anh P vẫn không thay đổi nên từ tháng 9/2024 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn S S P, xã S C, huyện S M C, tỉnh Lào Cai ở từ đó đến nay. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T S P.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị và anh P có với nhau 01 người con chung là cháu T T K P, sinh ngày 12/8/2023 cháu khỏe mạnh phát triển bình thường hiện nay đang ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trường hợp anh P không nhận nuôi Cháu P thì chị sẽ trực tiếp nuôi cháu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G T S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương khi đó chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 22/8/2023 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã S C, tỉnh Lào Cai). Quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng anh về thành phố Hải Phòng làm thuê, anh có cặp bồ với người phụ nữ khác, chị S phát hiện ra nên vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng mà anh và chị S đã sống ly thân hẳn với nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay, chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn S S P, xã S C, huyện S M C, tỉnh Lào Cai còn anh đi làm công nhân tại Công ty HĐFIM (Công ty pin năng lượng mặt trời) tại Hải Phòng, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, quý trọng, giúp đỡ nhau. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hai bên gia đình chưa có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Tuy giữa anh và chị S có xảy ra

mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nhưng anh mong muốn chị S suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh và chị S có với nhau 01 con chung họ tên cháu là T T K P, sinh ngày 12/8/2023 cháu khỏe mạnh phát triển bình thường hiện nay hai vợ chồng sống ly thân và đi làm ăn cháu đang ở cùng ông bà nội. Cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng trường hợp mà vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu P cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai chị S đề nghị Tòa án giải quyết để anh trực tiếp nuôi dưỡng Cháu P khi ly hôn. Anh yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Cháu P số tiền 1.300.000 đồng /tháng cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi. Anh làm công nhân tại Công ty HDFIM (công ty pin năng lượng mặt trời) tại Hải Phòng thu nhập hàng tháng được từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy thuộc vào ngày công lao động. Chị S làm nghề lao động tự do thu nhập được khoảng 7.000.000 đồng /tháng.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Điều 57; các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị G T S được ly hôn anh T S P.

- Về con chung: Giao cháu T T K P ngày 12/8/2022 cho anh T S P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi. Chị G T S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T T K P 1.300.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi.

- Tuyên miễn án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, anh P có địa chỉ nơi cư trú tại xã N S, huyện S M C, tỉnh Lào Cai (nay là xã S C, tỉnh Lào Cai) do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S M C (nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Lào Cai) theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, các đương sự đã trình bày lời khai. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt, tại phiên tòa mở lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị S và anh P tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn ngày 22/8/2023 tại UBND xã N S, huyện S M C (nay là UBND xã S C, tỉnh Lào Cai) việc đăng ký kết hôn của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là khi về thành phố Hải Phòng anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ngoài ra anh P còn hay đi uống rượu bia, khi về nhà chị S có nói thì vợ chồng cãi chửi, xô xát, do mâu thuẫn mà từ tháng 9/2024 vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, sống ly thân, bỏ mặc nhau mỗi người một nơi. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh P không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Chị S và anh P có với nhau 01 (một) người con chung là cháu T T K P sinh ngày 12/8/2023 cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, chị S có nguyện vọng khi ly hôn để anh P trực tiếp nuôi dưỡng Cháu P cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, còn nguyện vọng của anh P trong trường hợp vợ chồng ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng Cháu P cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi Cháu P số tiền 1.300.000 đồng/tháng cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi. Chị S làm nghề lao động tự do có thu nhập được khoảng 7.000.000 đồng /tháng, anh P làm công nhân thu nhập được từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng /tháng, cả anh P và chị S cùng yêu thương, quý trọng chăm sóc tốt cho các con.

Xét đến quyền lợi về mọi mặt của con, yêu cầu của các đương sự và để ổn định cuộc sống của Cháu P nên cần giao cháu T T K P cho anh T S P được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Anh P yêu cầu chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Cháu P số tiền 1.300.000 đồng/ tháng cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi. Chị S làm nghề lao động tự do có thu nhập. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng Cháu P và theo yêu cầu của bị đơn nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh P, buộc chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Cháu P số tiền 1.300.000 đồng /tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Cả chị S và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Do hộ gia đình chị G T S thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị G T S được ly hôn với anh T S P.

Quan hệ hôn nhân của chị G T S và anh T S P chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Xử giao cháu T T K P sinh ngày 12/8/2023 cho anh T S P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Buộc chị G T S cấp dưỡng nuôi cháu T T K P sinh ngày 12/8/2023 số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) /1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị G T S được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Anh T S P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực X-Lào Cai (2);
- THA dân sự KV 9 - Lào Cai;
- UBND xã S C, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

